



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :*28*...../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC hợp nhất năm 2020

Hà Nội, ngày *15* tháng 03 năm 2021

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 15/03/2021).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC



VŨ BÁ KHÁNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 44

10/10/2017
0
HCF
H.N
1/2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	
Ông: Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	
Bà: Trần Thị Như Hà	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2020)
Bà: Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Bà: Đỗ Thị Phương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà: Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 01/01/2021)
Bà: Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông: Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10/08/2020)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên
Ông: Phan Đức Minh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 15/03/2021, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2290-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		397.713.978.478	372.314.692.614
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	172.955.652.798	68.289.134.329
111	1. Tiền		20.955.652.798	13.289.134.329
112	2. Các khoản tương đương tiền		152.000.000.000	55.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.014.727.500	20.012.959.200
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(104.048.900)	(105.817.200)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.022.073.423	49.649.241.743
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	62.827.535.703	49.084.215.448
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	15.526.463.856	12.361.342.417
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.546.507.803	6.579.373.266
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(24.878.433.939)	(18.375.689.388)
140	IV. Hàng tồn kho	9	145.122.760.395	199.004.883.426
141	1. Hàng tồn kho		158.502.058.472	207.245.396.897
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.379.298.077)	(8.240.513.471)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.598.764.362	35.358.473.916
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8.333.077.929	34.405.632.741
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		75.440.027	613.054.972
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	190.246.406	339.786.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		81.141.644.641	95.769.247.885
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.800.000	225.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	381.800.000	225.800.000
220	II. Tài sản cố định		312.106.160	1.735.535.569
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	312.106.160	1.735.535.569
222	- Nguyên giá		11.774.007.673	12.452.914.873
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.461.901.513)	(10.717.379.304)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	56.709.105.518	60.198.896.618
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.535.672.125)	(27.045.881.025)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	300.000.000	300.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20.106.569.294	27.530.931.258
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.894.069.294	16.093.981.258
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	17.581.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(8.144.800.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.332.063.669	5.778.084.440
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	183.243.425	110.208.000
269	2. Lợi thế thương mại	14	3.148.820.244	5.667.876.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		478.855.623.119	468.083.940.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		171.465.850.288	185.068.044.995
310	I. Nợ ngắn hạn		168.891.098.283	182.923.646.020
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	52.771.657.624	61.278.447.876
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		817.973.069	721.839.646
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.709.488.283	1.751.509.528
314	4. Phải trả người lao động		16.476.809.151	14.666.431.826
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	35.427.828.018	28.206.307.644
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	791.691.327	623.103.955
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	51.451.447.992	69.223.744.012
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.444.202.819	6.452.261.533
330	II. Nợ dài hạn		2.574.752.005	2.144.398.975
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.569.835.000	1.930.237.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30	1.004.917.005	214.161.975
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		307.389.772.831	283.015.895.504
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	307.389.772.831	283.015.895.504
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		84.085.450.855	71.600.088.528
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		21.240.214.238	19.238.020.574
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.549.970.208	38.774.757.399
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.793.782.399	5.478.943.355
421b	LNST chưa phân phối năm nay		37.756.187.809	33.295.814.044
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.579.481.582	1.468.373.055
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		478.855.623.119	468.083.940.499

Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	686.410.995.352	667.192.651.992
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	19.536.172.919	14.602.301.225
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		666.874.822.433	652.590.350.767
11	4. Giá vốn hàng bán	24	485.374.904.861	477.947.235.914
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		181.499.917.572	174.643.114.853
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.674.866.643	3.538.560.722
22	7. Chi phí tài chính	26	6.439.590.625	10.503.312.343
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.093.901.108	4.302.768.379
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		800.088.036	537.110.211
25	9. Chi phí bán hàng	27	70.243.450.710	70.713.256.161
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	47.921.211.571	40.748.161.312
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		62.370.619.345	56.754.055.970
31	12. Thu nhập khác		774.966.412	517.967.125
32	13. Chi phí khác		279.181.809	172.009.216
40	14. Lợi nhuận khác		495.784.603	345.957.909
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.866.403.948	57.100.013.879
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	12.195.190.599	11.522.716.509
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30	790.755.030	214.161.975
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		49.880.458.319	45.363.135.395
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		49.769.349.792	45.287.660.475
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		111.108.527	75.474.920
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.918	2.619

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		62.866.403.948	57.100.013.879
	2. Điều chỉnh cho các khoản		16.782.517.460	20.598.167.729
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		7.432.276.705	8.615.082.561
03	- Các khoản dự phòng		10.371.410.857	11.582.355.760
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.115.071.210)	(3.902.038.971)
06	- Chi phí lãi vay		4.093.901.108	4.302.768.379
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		79.648.921.408	77.698.181.608
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.954.859.396)	35.077.114.454
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		48.743.338.425	(25.386.621.945)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		2.717.197.574	6.406.680.293
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		25.999.519.387	(11.928.012.906)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.116.101.021)	(4.311.729.296)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.502.783.263)	(12.012.129.107)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		115.000.000	110.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.129.639.706)	(6.411.088.070)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		118.520.593.408	59.242.395.031
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	(340.783.053)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90.909.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(21.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.492.800.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.834.511.990	3.395.066.727
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.418.221.081	(17.945.716.326)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		321.808.570.569	385.333.147.017
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(339.580.866.589)	(392.687.510.044)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(37.272.296.020)	(26.854.363.027)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		104.666.518.469	14.442.315.678
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		68.289.134.329	53.846.818.651
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>172.955.652.798</u>	<u>68.289.134.329</u>

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 109 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 112 người).

Tổng số nhân viên của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 25 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 26 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.17. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê tại tòa nhà K3B Thành Công địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.155.542.269	581.187.564
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.800.110.529	12.707.946.765
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	152.000.000.000	55.000.000.000
	172.955.652.798	68.289.134.329

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 152.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam với lãi suất từ 3,0% - 3,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	10.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	12.000.000.000	-	22.000.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2020, khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính có giá trị 10.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN với lãi suất 4,0%/năm.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty mua 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 (100 trái phiếu) và năm 2019 (100 trái phiếu) với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽ⁱⁱⁱ⁾	97.000.000	9.800.000	(87.200.000)	97.000.000	10.391.000	(86.510.000)
- Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	74.600.000	1.800.000	(72.800.000)	74.600.000	1.455.000	(69.950.000)
- Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	22.400.000	8.000.000	(14.400.000)	22.400.000	8.936.000	(16.560.000)
Cổ phiếu đã niêm yết ⁽ⁱⁱⁱ⁾	21.776.400	4.927.500	(16.848.900)	21.776.400	4.729.950	(19.307.200)
- Công ty CP Mía đường Lam Sơn	21.500.000	4.887.500	(16.612.500)	21.500.000	4.698.750	(19.050.000)
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	276.400	40.000	(236.400)	276.400	31.200	(257.200)
	118.776.400	14.727.500	(104.048.900)	118.776.400	15.120.950	(105.817.200)

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống tại ngày 31/12/2019 và ngày 31/12/2020. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2019 và ngày 31/12/2020 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	31/12/2020			01/01/2020		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND			VND
Hà Nội	46,34%	46,34%	16.894.069.294	46,34%	46,34%	16.093.981.258
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây			16.894.069.294			16.093.981.258

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020		
	Mã chứng khoán	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ^(iv)	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam ^(v)		-	-	6.000.000.000	(1.159.200.000)
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục ^(vi)	EFI	-	-	10.369.250.000	(6.985.600.000)
		1.212.500.000	-	17.581.750.000	(8.144.800.000)

^(iv) Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

^(v) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 600.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị trường học Việt Nam với giá chuyển nhượng là 6.000.000.000 VND (tương đương 10.000 VND/cổ phần).

^(vi) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 11/04/2019 đã thông qua chủ trương bán toàn bộ 1.091.500 cổ phần mà Công ty nắm giữ tại Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) theo giá bán thỏa thuận và phương thức giao dịch khớp lệnh. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc bán toàn bộ 1.091.500 cổ phần nêu trên với giá bán là 3.492.800.000 VND.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	16.286.548.291	(10.336.609.076)	17.188.566.409	(10.117.117.367)
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	1.714.077.798	-	3.958.138.703	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.666.443.821	(3.150.138.628)	1.251.027.407	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thái Nguyên	-	-	513.601.383	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hồ Chí Minh	3.513.080.642	-	144.423.883	-
- Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Hải Dương	5.359.746.826	(2.151.280.104)	2.716.780.280	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Nghệ An	3.306.126.052	-	3.612.769.325	-
- Các khách hàng khác	22.981.512.273	(2.765.477.034)	19.698.908.058	(2.239.242.266)
	62.827.535.703	(18.403.504.842)	49.084.215.448	(12.356.359.633)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	25.051.442.876	(10.336.609.076)	20.987.447.168	(10.117.117.367)
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)				

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà Máy in Bộ quốc phòng	6.335.749.647	-	9.154.989.313	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	5.210.278.134	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục AES	1.249.334.025	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.731.102.050	(21.800.000)	3.206.353.104	(21.800.000)
	15.526.463.856	(21.800.000)	12.361.342.417	(21.800.000)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu lãi tiền gửi	422.063.015	-	32.500.922	-
Tạm ứng	308.229.617	-	227.342.642	-
Ký cược, ký quỹ	175.250.000	-	135.000.000	-
Phải thu khác	6.640.965.171	(6.453.129.097)	6.184.529.702	(5.997.529.755)
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾	6.453.129.097	(6.453.129.097)	6.044.629.755	(5.997.529.755)
- Các khoản phải thu khác	187.836.074	-	139.899.947	-
	7.546.507.803	(6.453.129.097)	6.579.373.266	(5.997.529.755)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	381.800.000	-	225.800.000	-
	381.800.000	-	225.800.000	-

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện được chủ trương này. Công ty đánh giá công tác chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn và đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾	10.336.609.076	-	16.902.821.809	6.785.704.442
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.666.443.821	6.516.305.193	-	-
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội	6.453.129.097	-	5.997.529.755	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hải Dương	5.359.746.826	3.208.466.722	-	-
Các đối tượng nợ phải thu khác	3.088.345.099	301.068.065	3.029.561.586	768.519.320
	34.904.273.919	10.025.839.980	25.929.913.150	7.554.223.762

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

⁽ⁱ⁾ Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh Express gặp nhiều khó khăn nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.551.745.227	-	78.446.366.273	-
Công cụ, dụng cụ	2.299.950	-	19.099.092	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.757.634.097	-	44.525.345.869	-
Thành phẩm	26.788.360.432	(13.379.298.077)	32.774.138.490	(8.240.513.471)
Hàng hoá	42.186.024.995	-	47.741.367.137	-
Hàng gửi đi bán	13.215.993.771	-	3.739.080.036	-
	158.502.058.472	(13.379.298.077)	207.245.396.897	(8.240.513.471)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập cho các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾	7.541.536.737	13.207.875.127
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ⁽ⁱⁱ⁾	-	17.743.458.948
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	532.541.192	224.430.679
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	259.000.000	3.229.867.987
	8.333.077.929	34.405.632.741
b) Dài hạn		
- Chi phí mua bản quyền in sách	183.243.425	110.208.000
	183.243.425	110.208.000

⁽ⁱ⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

⁽ⁱⁱ⁾ Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	351.270.739	11.011.260.988	1.090.383.146	12.452.914.873
- Thanh lý, nhượng bán	-	(678.907.200)	-	(678.907.200)
Số dư cuối năm	351.270.739	10.332.353.788	1.090.383.146	11.774.007.673
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	131.726.529	9.740.767.951	844.884.824	10.717.379.304
- Khấu hao trong năm	175.635.372	1.028.072.384	219.721.653	1.423.429.409
- Thanh lý, nhượng bán	-	(678.907.200)	-	(678.907.200)
Số dư cuối năm	307.361.901	10.089.933.135	1.064.606.477	11.461.901.513
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	219.544.210	1.270.493.037	245.498.322	1.735.535.569
Tại ngày cuối năm	43.908.838	242.420.653	25.776.669	312.106.160

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.231.068.752 VND.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 là 30.535.672.125 VND trong đó khấu hao trong năm là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT106-HEID ngày 29/06/2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ⁽ⁱ⁾	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	300.000.000

⁽ⁱ⁾ Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

14. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Lợi thể thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn (công ty con) với tổng giá trị là 25.350.887.386 VND, trong đó:

- Lợi thể thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công với giá trị 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 15 tháng tương ứng giá trị còn lại là 3.148.820.244 VND. Lợi thể thương mại đã phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm là 2.519.056.196 VND;
- Lợi thể thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn với giá trị 160.325.427 VND đã được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm 2019.

15/12/2020

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	7.543.745.298	7.543.745.298	24.183.517.878	24.183.517.878
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.032.248.787	1.032.248.787	993.198.795	993.198.795
- Công ty TNHH Phần mềm và Giải pháp Sao Khuê	7.695.553.340	7.695.553.340	7.076.150.430	7.076.150.430
- Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	-	-	3.092.573.276	3.092.573.276
- Phải trả cho các đối tượng khác	36.500.110.199	36.500.110.199	25.933.007.497	25.933.007.497
	52.771.657.624	52.771.657.624	61.278.447.876	61.278.447.876
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	11.039.545.999	11.039.545.999	25.394.790.487	25.394.790.487
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)				

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND		Số phải nộp đầu năm VND		Số phải nộp trong năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		Số phải thu cuối năm VND		Số phải nộp cuối năm VND	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	526.318.092	2.011.274.434	1.974.737.764	-	-	-	-	-	-	562.854.762	562.854.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	760.861.511	12.195.190.599	12.502.783.263	178.773.293	178.773.293	12.502.783.263	12.502.783.263	178.773.293	178.773.293	632.042.140	632.042.140
Thuế thu nhập cá nhân	334.943.203	462.801.977	9.895.775.347	7.552.294.455	6.630.113	6.630.113	7.552.294.455	7.552.294.455	6.630.113	6.630.113	2.477.969.779	2.477.969.779
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	539.172.928	539.172.928	-	-	539.172.928	539.172.928	-	-	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	1.527.948	157.962.626	122.868.972	4.843.000	4.843.000	122.868.972	122.868.972	4.843.000	4.843.000	36.621.602	36.621.602
	339.786.203	1.751.509.528	24.799.375.934	22.691.857.382	190.246.406	190.246.406	22.691.857.382	22.691.857.382	190.246.406	190.246.406	3.709.488.283	3.709.488.283

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	41.587.261	63.787.174
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản	24.348.191.709	24.327.699.444
Chi phí hỗ trợ phát hành sách	5.428.953.311	-
Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	2.661.220.994	1.046.653.242
Chi phí phải trả khác	2.947.874.743	2.768.167.784
	35.427.828.018	28.206.307.644

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Các khoản bảo hiểm phải nộp	444.762.170	328.121.801
Các khoản phải trả, phải nộp khác	346.929.157	294.982.154
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	14.000.000	14.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	332.929.157	280.982.154
	791.691.327	623.103.955
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.569.835.000	1.930.237.000
	1.569.835.000	1.930.237.000

19. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	32.683.482.231	32.683.482.231	219.736.336.132	226.857.115.857	25.562.702.506	25.562.702.506
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	-	-	70.482.733.758	44.593.988.272	25.888.745.486	25.888.745.486
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	36.540.261.781	36.540.261.781	31.589.500.679	68.129.762.460	-	-
	69.223.744.012	69.223.744.012	321.808.570.569	339.580.866.589	51.451.447.992	51.451.447.992

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2020	01/01/2020
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng khế ước	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	25.562.702.506	VND
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	25.888.745.486	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích (trừ lãi bằng tiền mặt) của trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	36.540.261.781
				51.451.447.992	69.223.744.012

Mục đích vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.



20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND				VND	VND		
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	60.924.766.958	17.239.379.502	31.658.042.100	454.430.704	262.211.275.212		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	45.287.660.475	75.474.920	45.363.135.395		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)		
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.678.039.427	-	(6.678.039.427)	-	-		
Tạm phân phối lợi nhuận 2019	-	-	3.997.282.143	1.998.641.072	(11.991.846.431)	-	(5.995.923.216)		
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.997.282.143	1.998.641.072	(5.995.923.215)	-	-		
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.997.282.144)	-	(3.997.282.144)		
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.998.641.072)	-	(1.998.641.072)		
Mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	937.408.113	937.408.113		
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(1.059.318)	1.059.318	-		
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	71.600.088.528	19.238.020.574	38.774.757.399	1.468.373.055	283.015.895.504		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	49.769.349.792	111.108.527	49.880.458.319		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)		
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.480.975.000	-	(8.480.975.000)	-	-		
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	4.004.387.327	2.002.193.664	(12.013.161.983)	-	(6.006.580.992)		
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.004.387.327	2.002.193.664	(6.006.580.991)	-	-		
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.004.387.328)	-	(4.004.387.328)		
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.002.193.664)	-	(2.002.193.664)		
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.934.655.948	84.085.450.855	21.240.214.238	48.549.970.208	1.579.481.582	307.389.772.831		

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2019 trên Báo cáo tài chính riêng		39.972.821.431
Đã tạm phân phối trong năm 2019 như sau		11.991.846.431
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.997.282.143
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.997.282.144
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.998.641.072
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.998.641.072
Phân phối phần lợi nhuận năm 2019 còn lại trong năm nay		27.980.975.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	21%	8.480.975.000
- Chi trả cổ tức	13%/cổ phần	19.500.000.000
(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)		
Lợi nhuận năm 2019 còn lại chưa phân phối		-

Theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2020 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2020 trên Báo cáo tài chính riêng		40.043.873.273
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	4.004.387.327
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	4.004.387.328
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	2.002.193.664
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	2.002.193.664
Lợi nhuận năm 2020 còn lại chưa phân phối		28.030.711.290

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
AFC VF Limited	10.586.000.000	7,06%	8.969.000.000	5,98%
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	7.581.890.000	5,05%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	-	0,00%	7.581.890.000	5,05%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	63.770.110.000	42,52%	65.387.110.000	43,60%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	14.000.000	14.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	19.500.000.000	19.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>19.500.000.000</i>	<i>19.500.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	19.500.000.000	19.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>19.500.000.000</i>	<i>19.500.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	14.000.000	14.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	84.085.450.855	71.600.088.528
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.240.214.238	19.238.020.574
	105.325.665.093	90.838.109.102

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.044.000.000	5.154.441.327
- Từ 1 năm đến 5 năm	4.008.000.000	2.898.181.820
- Trên 5 năm	720.000.000	1.022.727.275

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất tại số K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội với Nhà nước nhằm mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình tòa nhà văn phòng cho thuê, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 10/08/2009. Diện tích đất thuê là 1.023 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty CP Hồng Hà Dầu khí	1.138.437.100	1.138.437.100
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà số 12	298.772.860	298.772.860
- Các đối tượng khác	2.163.877.841	2.163.877.841
	3.601.087.801	3.601.087.801

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	678.752.287.491	659.729.262.713
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	485.071.471.199	389.376.517.816
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	133.478.993.557	167.050.061.539
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	2.097.055.127	52.460.441.752
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	58.104.767.608	50.842.241.606
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	7.658.707.861	7.463.389.279
	686.410.995.352	667.192.651.992
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	137.631.952.566	114.056.579.397

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	15.651.566.274	9.601.942.654
Hàng bán bị trả lại	3.884.606.645	5.000.358.571
	19.536.172.919	14.602.301.225

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	477.130.244.538	466.137.844.117
- <i>Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	327.397.945.162	255.810.154.334
- <i>Giá vốn bán sách tham khảo</i>	105.309.334.347	131.079.531.854
- <i>Giá vốn bán vật tư</i>	2.153.112.629	52.318.229.379
- <i>Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	42.269.852.400	26.929.928.550
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	3.105.875.717	6.400.255.210
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.138.784.606	5.409.136.587
	485.374.904.861	477.947.235.914
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	86.479.389.288	104.032.514.336

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.152.824.083	2.293.241.260
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.250.000	1.071.687.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	450.792.560	173.631.962
	4.674.866.643	3.538.560.722
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	1.071.250.000	1.071.250.000

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.093.901.108	4.302.768.379
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.610.188.909	4.169.053.026
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.270.118.300)	2.028.311.750
Chi phí tài chính khác	5.618.908	3.179.188
	6.439.590.625	10.503.312.343

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.071.269	1.148.595.986
Chi phí nhân công	24.327.658.028	23.272.491.125
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	63.108.271	134.836.222
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.944.990	372.083.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.676.012.606	22.647.646.469
Chi phí khác bằng tiền	22.925.655.546	23.137.603.336
	70.243.450.710	70.713.256.161
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	1.764.050.302	2.295.186.880

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.636.056	2.453.455.567
Chi phí nhân công	17.971.535.305	14.865.215.496
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	619.799.596	518.130.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.034.697.279	2.234.152.242
Thuế, phí và lệ phí	566.699.724	501.258.481
Chi phí dự phòng	6.502.744.551	4.144.907.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.440.993.065	7.131.927.167
Chi phí khác bằng tiền	6.093.049.799	6.219.732.972
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.679.381.623
	47.921.211.571	40.748.161.312

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	10.828.964.283	9.853.947.677
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	1.366.226.316	1.668.768.832
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.195.190.599	11.522.716.509

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.004.917.005	214.161.975
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.004.917.005	214.161.975

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	790.755.030	214.161.975
	790.755.030	214.161.975

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	49.769.349.792	45.287.660.475
Các khoản điều chỉnh :	(6.006.580.992)	(5.995.923.215)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành</i> ⁽¹⁾	(6.006.580.992)	(5.995.923.215)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	43.762.768.800	39.291.737.260
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.918	2.619

⁽¹⁾ Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2020 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	220.731.412.102	218.247.785.531
Chi phí nhân công	45.073.560.737	39.305.278.383
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	682.907.867	652.966.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.913.220.509	6.096.026.365
Thuế, phí và lệ phí	669.327.822	527.693.867
Chi phí dự phòng	6.502.744.551	4.144.907.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.845.869.622	120.776.673.589
Chi phí khác bằng tiền	32.930.425.319	32.230.897.085
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
	449.868.524.725	424.501.285.002

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.955.652.798	-	68.289.134.329	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.755.843.506	(24.856.633.939)	55.889.388.714	(18.353.889.388)
Các khoản cho vay	12.000.000.000	-	22.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(104.048.900)	118.776.400	(105.817.200)
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	11.581.750.000	(6.985.600.000)
	257.042.772.704	(24.960.682.839)	157.879.049.443	(25.445.306.588)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	51.451.447.992	69.223.744.012
Phải trả người bán, phải trả khác	55.133.183.951	63.831.788.831
Chi phí phải trả	35.427.828.018	28.206.307.644
	142.012.459.961	161.261.840.487

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư ngắn hạn	14.727.500	-	-	14.727.500
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
Cộng	14.727.500	1.212.500.000	-	1.227.227.500
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	12.959.200	-	-	12.959.200
Đầu tư dài hạn	-	4.596.150.000	-	4.596.150.000
Cộng	12.959.200	4.596.150.000	-	4.609.109.200

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.955.652.798	-	-	172.955.652.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.517.409.567	381.800.000	-	45.899.209.567
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	2.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	228.473.062.365	381.800.000	2.000.000.000	230.854.862.365
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.289.134.329	-	-	68.289.134.329
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.309.699.326	225.800.000	-	37.535.499.326
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	2.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	125.598.833.655	225.800.000	2.000.000.000	127.824.633.655

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	51.451.447.992	-	-	51.451.447.992
Phải trả người bán, phải trả khác	53.563.348.951	1.569.835.000	-	55.133.183.951
Chi phí phải trả	35.427.828.018	-	-	35.427.828.018
	140.442.624.961	1.569.835.000	-	142.012.459.961
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	69.223.744.012	-	-	69.223.744.012
Phải trả người bán, phải trả khác	61.901.551.831	1.930.237.000	-	63.831.788.831
Chi phí phải trả	28.206.307.644	-	-	28.206.307.644
	159.331.603.487	1.930.237.000	-	161.261.840.487

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

M.S.D.
 T.T.N.
 A.Đ.Đ.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa		137.631.952.566	114.056.579.397
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	389.756.634	415.749.185
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty liên kết Cùng Tập đoàn	50.474.859.115	41.084.160.905
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	209.619.409	68.084.712
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	1.202.520
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	16.548.381.670	19.729.543.920
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	12.077.694.643	8.362.676.380
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	19.954.851.015	21.305.413.734
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	5.305.613.731	6.283.042.778
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.063.421.935	1.141.806.536
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	13.559.903.534	1.141.806.536
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.187.398.450	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	6.848.412.584	4.453.547.728
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	44.781.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	15.836.600	716.652.700
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	9.996.203.246	10.430.189.475
		-	19.727.824
Cổ tức và lợi nhuận được chia		1.071.250.000	1.071.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	950.000.000
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng, dịch vụ khác		1.764.050.302	2.295.186.880
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.158.454.213	1.645.442.979
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	605.596.089	649.743.901

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản		86.479.389.288	104.032.514.336
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	3.517.543.150	1.182.816.236
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	31.359.815.839	59.995.295.913
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	94.725.674	246.517.096
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	868.917.600	301.640.251
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	6.445.516.470	6.658.832.760
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	8.273.858.907	8.989.641.428
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.583.190.952	362.353.104
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	6.500.000	29.562.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	11.030.940.532	9.729.790.957
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	578.430.000	450.000.000
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.007.496.150	1.777.003.106
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	8.154.035.100	10.342.705.360
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	86.015.840	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	353.344.945	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	337.628.305	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.460.950.396	2.301.748.064
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	7.148.055.524	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	168.149.420	74.040.540
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	84.599.446	100.295.685
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn	3.248.000	766.826.400
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	2.916.427.038	723.445.436

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		25.051.442.876	20.987.447.168
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	-	331.337.464
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	24.630.830	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	119.081.310	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	-	11.914.378
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.016.214.230	1.523.587.276
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	808.412.205	334.288.059
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	740.897.394	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	1.222.080	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	2.541.355.894	1.420.404.999
Công ty CP Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3.513.080.642	144.423.883
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	16.286.548.291	17.188.566.409
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	-	32.924.700

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	100.000.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	100.000.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn		11.039.545.999	25.394.790.487
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	1.687.117.564	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	7.543.745.298	24.183.517.878
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	3.430.000	-
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	-	19.001.860
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	755.790.350	-
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	17.214.000	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	-	11.923.378
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.032.248.787	1.180.347.371

Thù lao, tiền lương, thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

	Chức vụ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Ông: Phạm Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	66.666.668	66.666.668
Ông: Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.012.243.850	985.014.668
Bà: Đỗ Thị Phương	Thành viên HĐQT	53.333.332	53.333.332
Bà: Dương Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	822.479.785	786.282.132
Bà: Trần Thị Như Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	727.706.974	832.933.332
Ông: Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc	714.152.864	757.400.000
Bà: Nguyễn Thanh Bình	Kế toán trưởng	755.774.696	687.240.000

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021